

TÍNH TẤT YẾU CỦA VIỆC GIÁO DỤC VĂN HÓA GIAO TIẾP CHO HỌC SINH, SINH VIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY

TRƯƠNG THỊ TUYẾT LAN*

Ngày nhận bài: 04/05/2017; ngày sửa chữa: 05/06/2017; ngày duyệt đăng: 08/06/2017.

Abstract: To meet requirements of education reform in current period, improvement of quality of comprehensive education for students plays an important role. In which, communicative culture education is required in the context of international integration. In this article, author mentions necessity of communicative culture education for Vietnamese students in current period with aim to train high quality human resource to meet requirements of international integration.

Keywords: Necessity, communicative culture education, Vietnamese students.

Giao dục văn hóa giao tiếp (VHGT) trong nhà trường giúp học sinh (HS), sinh viên (SV) từng bước hình thành những kỹ năng giao tiếp; làm chủ các công cụ và hình thức giao tiếp, cũng như biết ứng xử một cách có văn hóa trong những tình huống khác nhau. Đây là một việc làm hết sức cần thiết và cấp bách của mỗi nhà trường hiện nay, VHGT là một phương diện trong toàn bộ hoạt động giao tiếp của con người. Hơn nữa, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, giao tiếp và VHGT lại càng có ý nghĩa hơn bao giờ hết, giúp các cá nhân trong mỗi cộng đồng, các dân tộc trên thế giới hiểu nhau hơn, xích lại gần nhau trong quá trình phát triển. Do vậy, giáo dục VHGT cho HS, SV là tất yếu, phù hợp với xu thế phát triển trong bối cảnh hiện nay.

1. Một số khái niệm

1.1. Văn hóa. Theo Từ điển Tiếng Việt: 1) Văn hóa là tổng thể nói chung những giá trị về vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử; 2) Những hoạt động của con người nhằm thỏa mãn nhu cầu đời sống tinh thần; 3) Những tri thức, kiến thức khoa học; 4) Trình độ cao trong sinh hoạt xã hội, biểu hiện của văn minh, cư xử rất có văn hóa; 5) Tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần của một thời kì lịch sử cổ xưa, được xác định trên cơ sở một tổng thể những di vật tìm thấy được có những đặc điểm giống nhau [1; tr 1360].

1.2. Giao tiếp và giáo dục VHGT

Giao tiếp: là quá trình trao đổi, tiếp xúc với nhau giữa con người với con người, trong đó, ngôn ngữ là công cụ để giao tiếp [1; tr 492].

Giáo dục VHGT: là quá trình tiếp xúc tâm lí giữa giáo viên (GV) và HS nhằm giúp HS lĩnh hội được những tri thức khoa học, vốn kinh nghiệm sống, xây dựng và phát triển nhân cách toàn diện cho HS. Tác giả A.N.Leonchiep cho rằng: VHGT là loại giao tiếp có tính

chất nghề nghiệp giữa GV và HS trong và ngoài lớp, là điều kiện đảm bảo cho hoạt động sư phạm.

Theo chúng tôi, giáo dục VHGT là sự giao tiếp giữa GV và HS; trong đó GV là người tổ chức điều khiển quá trình giáo dục, là chủ thể giao tiếp với nghĩa chung nhất, còn HS là người lĩnh hội tri thức khoa học, kĩ năng, kĩ xảo do GV truyền đạt cho, với nghĩa này HS là đối tượng (khách thể) giao tiếp trong hoạt động sư phạm. Tuy nhiên, gần đây theo quan niệm mới, việc dạy học cần có sự phối hợp giữa HS và GV để quá trình dạy học, giáo dục đạt kết quả, chất lượng cao. Trong dạy học, chúng ta không thể coi HS là “khách thể thụ động”, mà là một chủ thể có ý thức, hoạt động tích cực để đón nhận tri thức khoa học.

Trong giao tiếp sư phạm, GV là chủ thể giao tiếp, không chỉ giao tiếp với HS thông qua nội dung bài giảng tri thức khoa học, mà bản thân họ phải là tấm gương sáng mẫu mực về nhân cách, đúng với đòi hỏi của xã hội quy định. Nghĩa là ở GV, lời nói và việc làm (hành vi và ứng xử) thống nhất với nhau, đây chính là đặc trưng nghề nghiệp sư phạm.

1.3. Đặc trưng của nghề dạy học với việc giáo dục VHGT. Giao tiếp của con người trong mỗi lĩnh vực hoạt động khác nhau đều mang những nét đặc trưng của từng ngành nghề. Đặc trưng lao động của GV trong các hoạt động sư phạm và giảng dạy là:

Thứ nhất, dạy học là một nghề mà đối tượng quan hệ trực tiếp là con người. Con người trong lĩnh vực hoạt động sư phạm là GV và HS đang trong giai đoạn hoàn thiện không chỉ về mặt trí tuệ mà còn cả về nhân cách. Con người trong lĩnh vực hoạt động sư phạm mang những đặc trưng cơ bản của ngành nghề là sự giáo dục, rèn luyện để giúp HS, SV từng bước hoàn thiện nhân cách. Vì vậy, mọi sự tác động của

* Trưởng Chính trị tỉnh Thái Bình

GV đến HS, SV phải xuất phát từ sự chân tình, tôn trọng, sự đối xử công bằng, thái độ ân cần, lịch sự. GV phải thực sự là tấm gương cho HS, SV học tập, noi theo. Hoạt động chính của GV là tổ chức và hướng dẫn HS, SV lĩnh hội, nắm bắt những kinh nghiệm lịch sử xã hội, những tinh hoa mà loài người đã tích lũy được và biến thành những hiểu biết, hình thành nhân cách, “văn hóa sống” riêng cho bản thân. Do đó, vai trò của GV là vô cùng quan trọng và hoạt động giao tiếp của GV có sự tác động rất lớn đến HS, SV. Để giáo dục VHGT cho HS, SV, trước tiên phải xuất phát từ sự “chuẩn hóa” VHGT của người thầy.

Thứ hai, “công cụ giáo dục” VHGT hiệu quả nhất cho HS, SV là nhân cách của chính GV: mỗi nghề nghiệp có một công cụ riêng, công cụ càng hiện đại, càng “chuẩn hóa” thì kết quả lao động càng cao. Trong dạy học và giáo dục, GV dùng nhân cách và kiến thức của bản thân đã tích lũy được trong cuộc sống, học tập... để tác động vào HS, SV. Đó là phẩm chất chính trị, là sự giác ngộ về lí tưởng đào tạo thế hệ trẻ, là lòng yêu nghề, mến trẻ, là trình độ học vấn, là sự thành thạo về nghề nghiệp, là lối sống cách cư xử và VHGT của người thầy giáo,... Vì vậy, VHGT của GV không chỉ là thành phần trong nhân cách, mà là công cụ quan trọng của nghề nghiệp, đặc biệt còn là nội dung giáo dục cho HS. Bởi lẽ, trong giáo dục, người thầy không chỉ dạy chữ mà còn *dạy người*, không chỉ dạy HS, SV kiến thức mà còn dạy HS, SV cả “nghệ thuật làm người” bằng chính hành vi, nhân cách của mình; HS, SV sẽ noi theo GV, học tập hành vi ứng xử của GV trong quá trình giao tiếp. Đặc biệt trong bối cảnh phát triển đất nước hiện nay, việc giáo dục một cách toàn diện, giúp HS, SV phát triển nhân cách theo hướng “Trí - Nhân - Thể - Mĩ” để mỗi chủ nhân tương lai của đất nước là một nhân tố lao động tốt cho ngày mai, góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Thứ ba, nghề dạy học đòi hỏi tính khoa học, tính nghệ thuật, tính sáng tạo: Sinh thời, Thủ tướng Phạm Văn Đồng nhận xét: “Nghề dạy học là nghề cao quý nhất trong các nghề cao quý”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng dạy “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”. Sự nghiệp “trồng người” của những người thầy phải dựa trên nền tảng khoa học xác định, khoa học bộ môn cũng như khoa học giáo dục và có những kĩ năng sử dụng chúng vào tình huống sự phạm cụ thể, thích ứng với từng cá nhân sinh động. Do đó, công việc của người thầy vừa phải dựa trên nền tảng khoa học, vừa đòi hỏi tính sáng tạo. Xuất phát từ những đặc điểm lao động nghề nghiệp, giao tiếp trong nghề lao động sự phạm cũng

mang những đặc trưng riêng, không giống với các loại hình giao tiếp khác. Và để đáp ứng được yêu cầu công việc, người thầy phải luôn tự đổi mới bản thân, tự học tập để đáp ứng với nghề mình đã chọn.

2. Tính tất yếu của việc giáo dục VHGT cho HS trong bối cảnh hiện nay

Albert Einstein đã từng nói: “*Nhà trường phải luôn có chủ trương tạo cho học trò một cá tính cân đối chứ không nên biến chúng thành nhà chuyên môn*” [2; tr 43]. Việc GD-ĐT trong nhà trường hiện nay không chỉ chú trọng đến việc tạo ra những con người giỏi về nghề nghiệp mà còn phải hoàn thiện về nhân cách. Muốn thực hiện mục tiêu này thì đòi hỏi GV và HS phải cùng nỗ lực thực hiện nhiệm vụ của mình. Việc giáo dục VHGT cho HS, SV đóng một vai trò hết sức quan trọng và luôn mang tính tất yếu, vì:

2.1. Tầm quan trọng của việc giáo dục VHGT trong các nhà trường.

Nhà trường có vai trò hết sức to lớn đối với việc hình thành và rèn luyện VHGT cho HS, SV; là nơi đào tạo, hướng dẫn, rèn luyện để HS, SV từng bước hình thành nhân cách. Những kiến thức được trang bị ở nhà trường sẽ là “hành trang” rất quan trọng giúp HS, SV xử lí các tình huống giao tiếp trong thực tế cuộc sống. Những kiến thức được trang bị trong nhà trường và môi trường cuộc sống có tầm quan trọng đặc biệt đối với việc hình thành và rèn luyện VHGT cho HS. Hai môi trường này giúp HS, SV bổ sung và hoàn thiện cho nhau. Tình huống cuộc sống rất phong phú và đa dạng nên đòi hỏi trong giao tiếp con người phải linh động, mềm dẻo để ứng xử phù hợp với hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp.

Mặc dù giáo dục còn được diễn ra ngoài xã hội, trong gia đình, song giáo dục nhà trường luôn mang tính quyết định chiều hướng phát triển nhân cách HS. Vì nhà trường là cơ quan chuyên trách công tác giáo dục, luôn thực thi nhiệm vụ với những phương pháp giảng dạy khoa học nhằm xây dựng cho con người phát triển nhân cách toàn diện. Hoạt động giáo dục diễn ra trong nhà trường, chủ yếu là sự giao tiếp giữa GV và HS, trong đó, GV là người tổ chức, điều khiển quá trình giáo dục trong nhà trường gọi là chủ thể giao tiếp. HS là người lĩnh hội tri thức khoa học, kĩ năng, kĩ xảo do GV truyền đạt. Với ý nghĩa này, HS là khách thể trong hoạt động giao tiếp văn hóa. Tuy nhiên, để giáo dục, dạy học đạt kết quả cao, chúng ta không thể coi HS là khách thể thụ động, mà là một chủ thể có ý thức, hoạt động tích cực để đón nhận tri thức.

2.2. VHGT có vị trí quan trọng trong các hoạt động sự phạm của GV, là phương tiện thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục và phát triển. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “Không có thầy

giáo thì không có giáo dục, không có giáo dục, không có cán bộ thì không nói gì đến kinh tế và văn hóa” [3; tr 345]. Người khẳng định vai trò quan trọng, không thể thiếu của GV. Mỗi GV có giỏi hay không được nhận định dựa trên năng lực sư phạm của họ, trong đó VHGT có vị trí quan trọng.

Trong thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, VHGT đảm bảo sự tiếp xúc tâm lí với HS: hình thành động cơ học tập tích cực, tạo ra hoàn cảnh tâm lí cho lớp học để tìm tòi, nhận thức và cùng nhau suy nghĩ. Trong việc thực hiện các nhiệm vụ giáo dục, nhờ có VHGT mà có thể giải quyết các mối quan hệ giáo dục và sư phạm, tiếp xúc tâm lí giữa GV và HS; hình thành xu hướng nhận thức trong nhân cách. Từ đó, ta thấy rằng VHGT có tác động rộng rãi trong hoạt động sư phạm. Nó giữ một vị trí hết sức quan trọng và nổi bật trong cấu trúc năng lực sư phạm, trong dạy học và giáo dục. Giao tiếp sư phạm là một khâu quan trọng trong quá trình hình thành nhân cách, phát triển tích cực nhận thức và xã hội của HS trong quá trình hình thành tập thể HS. VHGT gồm những nguyên tắc, những biện pháp và kĩ xảo tác động lẫn nhau giữa GV với tập thể HS mà nội dung cơ bản là trao đổi thông tin, sự tác động về giáo dục và học tập, việc tổ chức mối quan hệ lẫn nhau và cũng là quá trình GV xây dựng và phát triển nhân cách của HS.

2.3. VHGT có vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách. Trong mỗi ngành nghề khác nhau, VHGT là yếu tố không thể thiếu, hoạt động giao tiếp của con người tạo nên những phong cách giao tiếp khác nhau, thậm chí trong cùng một hoạt động nghề nghiệp tạo nên những nhân cách khác nhau. Nhân cách HS, SV không chỉ được biểu hiện qua VHGT mà trong một mức độ nhất định còn được hình thành dưới ảnh hưởng của VHGT. Trong quá trình rèn luyện ở các trường đại học, cao đẳng, phổ thông, VHGT đóng vai trò điều chỉnh hoạt động, hình thành tiêu chuẩn đạo đức, thẩm mỹ, giá trị tư tưởng cho HS và là cơ sở hình thành hệ thống giáo dục con người toàn diện.

Đối với sự hình thành nhân cách cho HS, SV - những chủ nhân tương lai của đất nước, VHGT có vai trò rất lớn, một trong những năng lực quan trọng nhất cần hình thành cho HS, SV là kĩ năng VHGT. Vấn đề này chỉ có thể được hình thành thông qua hoạt động giao tiếp của HS, SV trong quá trình học tập ở các nhà trường, cũng như các hoạt động giao tiếp trong cuộc sống xã hội. Thông qua các mối quan hệ giao tiếp giữa HS-HS; HS-GV; HS-phụ huynh; và các mối quan hệ giao tiếp khác, nhân cách của HS, SV được hình thành, biểu hiện và phát triển. Khi tham gia vào

các mối quan hệ trên, HS, SV tìm hiểu đặc điểm của đối tượng giao tiếp, có biện pháp tác động tới đối tượng giao tiếp một cách phù hợp nhằm thiết lập mối quan hệ thân mật, gần gũi. Thông qua hoạt động giao tiếp này, HS, SV nhận biết được trình độ kĩ năng giao tiếp của bản thân, tìm cách điều chỉnh thái độ, hành vi, phong cách giao tiếp của bản thân cho phù hợp với mục đích, nhiệm vụ giáo dục.

Khi tiến hành tiếp xúc với nhiều đối tượng khác nhau (cha mẹ, thầy cô, bạn bè), các mối liên hệ và quan hệ công tác, các mối liên hệ và quan hệ cá nhân, quan hệ sinh hoạt tập thể được thực hiện. Các biểu tượng được hình thành, sự đánh giá về các nhân tố và các sự kiện khác nhau được xây dựng, thói quen nhìn nhận, đánh giá con người được phát triển, giao tiếp được bộc lộ và củng cố..., tất cả những điều đó đều có tác động trong việc hình thành và phát triển nhân cách HS, SV. Khi đó, HS, SV sẽ có biểu hiện thái độ (yêu, ghét, khâm phục, kính trọng, coi thường...) và qua đó từng bước hình thành kĩ năng nhìn nhận, đánh giá con người.

2.4. Giá trị của việc giáo dục VHGT. Trong quá trình học tập, rèn luyện, sự chuẩn mực trong VHGT giúp HS tạo ra bầu không khí tích cực trong lớp học, được thể hiện từ khâu tổ chức hoạt động nhận thức cho HS đến việc quan sát trạng thái làm việc của HS trong giờ lên lớp và giải quyết các tình huống xung đột xảy ra. Tổ chức hoạt động nhận thức sẽ giúp cho HS có sự tập trung cao, tích cực tìm tòi suy nghĩ nhiệm vụ tri thức đặt ra; có tình yêu thương, niềm say mê hoạt động để hình thành nhân cách, phẩm chất tốt đẹp như: sự công bằng, tính thẳng thắn, tự chủ, kiên nhẫn, có óc quan sát và ý chí mạnh mẽ.

VHGT còn là điều kiện để xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, đúng đắn giữa HS, SV với cha mẹ. Ở đây, HS, SV không chỉ thể hiện sự lễ độ bên ngoài mà biết xây dựng mối tương hỗ đúng đắn giữa bản thân với cha mẹ, giữa phụ huynh với HS. GTVH trong môi trường sư phạm còn giúp cho các em dễ dàng thiết lập mối quan hệ với bạn bè, đồng nghiệp, tạo ra không khí thân mật, gần gũi, vui vẻ; hình thành kĩ năng để xây dựng mối quan hệ gần gũi trong tình bạn, tình đồng chí cũng như thói quen giúp đỡ tận tình, chia sẻ khó khăn với những người khác, với bạn bè, đồng nghiệp trong hoạt động công tác.

Con người có thể học được rất nhiều kiến thức, kinh nghiệm về VHGT từ cuộc sống hàng ngày. Thông qua giao tiếp với người khác, mỗi người rút ra được

(Xem tiếp trang 240)

những nhận thức chưa đầy đủ về vai trò của các môn *Lí luận chính trị*, đặc biệt là vai trò của môn học đối với sự hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực, phương pháp, tác phong công tác và tay nghề của HV. Biểu hiện rõ nhất là xu hướng cắt giảm thời gian môn học đại cương, chỉ tập trung ưu tiên cho môn chuyên ngành trong các trường CAND.

Trong GD-ĐT, chúng ta không thể coi nhẹ hoặc tuyệt đối hóa bất kỳ môn học nào, nhưng cũng phải xác định rõ vai trò không ngang bằng nhau của từng môn học đối với sự hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực, nhân cách của HV theo chuyên ngành đào tạo, nhất là vai trò của các môn *Lí luận chính trị* *Mác-Lênin*, *Tư tưởng Hồ Chí Minh*. Trên cơ sở đó, lãnh đạo các nhà trường phải định hướng, chỉ đạo việc xây dựng chương trình, nội dung, phương pháp và các điều kiện vật chất bảo đảm cho quá trình giảng dạy thiết thực và mang lại hiệu quả cao trong công tác GDCT, TT cho HV các trường CAND khu vực phía Nam hiện nay.

2.4. Giảng dạy, học tập các học phần *Lí luận chính trị* trong các trường CAND luôn gắn với hoạt động nghiên cứu thực tế của HV. Hoạt động nghiên cứu thực tế là khâu quan trọng trong quá trình đào tạo nói chung và giảng dạy, học tập các học phần chính trị tại các trường CAND nói riêng. Giữa việc giảng dạy, học tập các học phần chính trị và hoạt động nghiên cứu thực tế có mối quan hệ biện chứng với nhau, hỗ trợ và cùng hướng tới mục đích hình thành, củng cố phẩm chất, bản lĩnh chính trị, niềm tin vào xã hội chủ nghĩa và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; đào tạo ra thế hệ cán bộ, chiến sĩ CAND có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức trong sáng, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Đảng và nhân dân. Chất lượng, hiệu quả của hoạt động nghiên cứu thực tế phụ thuộc vào việc giảng dạy các học phần *Lí luận chính trị* nói chung và vai trò hướng dẫn nghiên cứu thực tế của đội ngũ giảng viên giảng dạy các môn học này nói riêng. Nhưng, quan trọng nhất là phải tạo được “sợi dây” liên hệ, liên kết các học phần *Lí luận chính trị* với nội dung chương trình trong thực tế mới mang lại hiệu quả thiết thực.

Việc thực hiện đồng bộ những giải pháp trên sẽ góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả công tác GDCT, TT cho HV các trường CAND khu vực phía Nam, đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng CAND chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại; đáp ứng nhu cầu

mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó; xứng đáng với truyền thống vẻ vang của ngành “*CAND vì nước quên thân, vì dân phục vụ*”, là “*thanh kiếm và lá chắn*” để bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ và bảo vệ nhân dân trong tình hình mới hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XII*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [2] Ban Chấp hành Trung ương (2016). *Chi thị số 05-CT/TW ngày 15/05/2016 về “Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”*.
- [3] Bộ Công an (2015). *Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong lực lượng Công an nhân dân hiện nay*. NXB Công an nhân dân.
- [4] Lê Minh Tuấn (2010). *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục thanh niên và vấn đề xây dựng khí chất, đạo đức cách mạng cho sinh viên An ninh nhân dân hiện nay*. Tạp chí Khoa học và Giáo dục an ninh, số 5, 31-35.
- [5] Hà Nhật Thăng (2002). *Thực trạng đạo đức, tư tưởng chính trị, lối sống của thanh niên - học sinh - sinh viên*. Tạp chí Giáo dục, số 39, tr 26-27.
- [6] Huỳnh Khải Vinh (2001). *Một số vấn đề về lối sống, đạo đức, chuẩn mực giá trị xã hội*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

Tính tất yếu của việc giáo dục...

(Tiếp theo trang 209)

những bài học về giao tiếp cho riêng mình, đây là con đường trang bị tri thức và kĩ năng rất hiệu quả. Giáo dục trong nhà trường đóng vai trò rất quan trọng; và việc giáo dục VHGT trong nhà trường nói riêng là mang tính tất yếu. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Hoàng Phê (chủ biên, 2008). *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (1997). *Văn kiện Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [3] *Hồ Chí Minh toàn tập* (tập 10) (2011) NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [4] Hoàng Anh - Nguyễn Thạch (1997). *Luyện giao tiếp văn hóa*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Trần Kiểm (2004). *Khoa học quản lí giáo dục - Một số vấn đề lí luận và thực tiễn*. NXB Giáo dục.
- [6] *Luật Giáo dục* (2005). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.